

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **128/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 31-5-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Kim Thanh
2. Ông Phan Hữu Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện tại: ấp T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 8 năm 2020 nguyên đơn bà Lê Thị P thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Sau thời gian quen biết, bà và ông Phan Thanh T làm đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1993. Cả hai có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 20/5/2002.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống không hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị P yêu cầu ly hôn với ông Phan Thanh T;

- Về con chung: Bà P và ông T có 02 (hai) con chung Phan Thị Kim T, sinh ngày 31 tháng 01 năm 1995 và Phan Thị Kim X, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phan Thanh T không có văn bản trình bày ý kiến, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa ngày 31 tháng 5 năm 2021: Bà P vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn;

+ Về con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã thụ lý vụ án theo thẩm quyền. Tuy nhiên, sau khi thụ lý Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú của ông T tại huyện P xác định được ông T không sống tại P mà đang sinh sống tại thành phố L, tỉnh An Giang. Sau đó, Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết theo thẩm quyền. Kết quả xác minh tình trạng cư trú của ông T tại L thể hiện ông đang sinh sống tại địa chỉ ấp T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định

đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà P và ông T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 20 tháng 5 năm 2002. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà P, ông T đã ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện tại do tình cảm không còn nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc hôn nhân giữa bà P và ông T; ông, bà lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không tham dự các buổi hòa giải, không tham dự phiên tòa, không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân giữa ông, bà. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P với ông T.

[3.2] Về con chung: Bà P và ông T có 02 (hai) con chung Phan Thị Kim T, sinh ngày 31 tháng 01 năm 1995 và Phan Thị Kim X, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1999. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Bà P trình bày không có tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà P, ông T phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà P phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị P với ông Phan Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang cấp cho Phan Thanh T và Lê Thị P ngày 20 tháng 5 năm 2002 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Phan Thị Kim T, sinh ngày 31 tháng 01 năm 1995 và Phan Thị Kim X, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1999 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001537 ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự **huyện Phú Tân, tỉnh An Giang**. Bà P đã nộp đủ.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà P, ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu

